



BỘ CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

NGHỀ: GIÁM ĐỐC HỢP TÁC XÃ

TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP



A. Sai B. Đúng

Câu 10. HTX chỉ nên sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận khi đã được đảm bảo sản phẩm đầu ra có thị trường tiêu thụ.

A. Sai B. Đúng

Câu 11. HTX có thể tiêu thụ sản phẩm cho thành viên thông qua hợp đồng liên kết với doanh nghiệp

A. Sai B. Đúng

Câu 12. HTX mua trái cây sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP của thành viên rồi tiến hành làm sạch, phân loại, đóng hộp, dán nhãn mác của HTX và tổ chức thương mại trái cây.

A. Sai B. Đúng

Câu 13. Quy trình sản xuất phải ưu tiên sử dụng các vật tư đầu vào, dịch vụ có sẵn tại hợp tác xã.

A. Sai B. Đúng

Câu 14. HTX nên có sự tư vấn, hỗ trợ xây dựng quy trình thực hành từ cán bộ kỹ thuật của các đơn vị bên ngoài.

A. Sai B. Đúng

Câu 15. Trong trường hợp HTX không có liên kết với doanh nghiệp thì HTX có thể yêu cầu sự hỗ trợ của cơ quan chuyên môn hoặc của chuyên gia

A. Sai B. Đúng

Câu 16. Thành viên cần phải xây dựng được quy trình thực hành sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chứng nhận mà HTX muốn đạt được.

A. Sai B. Đúng

Câu 17. Trong chăn nuôi lợn thịt theo VietGAP thì ở giai đoạn vỗ béo lợn cần chỉ rõ những thực hành sản xuất nào cần được thực hiện, thức ăn nào được khuyến cáo sử dụng, những thức ăn và thuốc thú y nào bị cấm sử dụng.

A. Sai B. Đúng

Câu 18. HTX cần phải ký hợp đồng với hộ thành viên khi HTX xây dựng xong kế hoạch sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận .

A. Sai B. Đúng

Câu 19. Quy trình thực hành sản xuất chỉ cần nêu rõ danh mục các vật tư đầu vào được sử dụng.

A. Sai B. Đúng

Câu 20. Khi đã thống nhất và ký hợp đồng áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận trong HTX, trước khi triển khai thực hiện thì HTX cần tổ chức tập huấn cho tất cả các hộ thành viên tham gia áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn.

A. Sai B. Đúng

Câu 21. HTX hỗ trợ hộ thành viên ghi chép nhật ký đồng ruộng trên cơ sở thông tin mà ủy ban đã cung cấp cho HTX.

A. Sai B. Đúng

Câu 22. HTX cần khuyến khích hộ thành viên tự nguyện tuân thủ quy trình sản xuất chuẩn.

A. Sai B. Đúng

Câu 23. Nghĩa vụ của thành viên, hợp tác xã thành viên là sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo hợp đồng dịch vụ

A. Sai B. Đúng

Câu 24. Tem điện tử truy xuất nguồn gốc nông sản là tem điện tử có chứa mã xác thực dưới dạng QR Code, được thành viên hợp tác xã dán lên những sản phẩm do thành viên sản xuất và cung cấp.

A. Sai B. Đúng

Câu 25. Khi bán sản phẩm có chứng nhận chất lượng có giá cao hơn thì thành viên trích cho HTX một phần của giá cao hơn.

A. Sai B. Đúng

Câu 26. Tem điện tử truy xuất cho phép người dùng quét mã ngay trên điện thoại thông minh hoặc nhập mã tra cứu trên phần mềm truy xuất nguồn gốc vqs.vn.

A. Sai B. Đúng

Câu 27. Mục đích chính của loại tem điện tử là hợp tác xã có thể truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

A. Sai B. Đúng

Câu 28. Quy trình thực hành sản xuất phải phù hợp với từng loại giống cây trồng vật nuôi, thời vụ sản xuất và điều kiện canh đồng và thời tiết (dự báo) ở thời vụ đó.

- A. Sai
- B. Đúng

Câu 29. Nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật nào áp dụng trong chăn nuôi:

- A. VietGAP, GlobalGAP, Hữu cơ
- B. SRP, MSC, GlobalGAP
- C. Rainforest Alliance, Hữu cơ, FSC
- D. MSC, FSC, VietGAP

Câu 30. Nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật nào áp dụng trong rau màu:

- A. GlobalGAP ,SRP, MSC
- B. VietGAP, Hữu cơ, FSC
- C. MSC, FSC, Rainforest Alliance
- D. GlobalGAP, Hữu cơ, VietGAP

Câu 31. Trong cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất, các hộ xã viên và thành viên HTX thuộc bộ phận nào:

- A. Bộ phận quản lý
- B. Bộ phận sản xuất
- C. Bộ phận phục vụ sản xuất
- D. Bộ phận tham mưu

Câu 32. HTX nông nghiệp phân công ai làm sản phẩm gì, lịch mùa vụ, công tác kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật. Đây là nội dung công việc:

- A. Xác định quy trình kỹ thuật đưa vào áp dụng
- B. Tổ chức thông báo cho hộ thành viên thế nào
- C. Kế hoạch thu hoạch và phương án tiêu thụ với các đối tác
- D. Quản trị sản xuất ở hộ nông dân, thành viên HTX

Câu 33. HTX tập huấn cho thành viên về tiêu chuẩn chứng nhận, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn. HTX đang thực hiện nội dung nào sau đây:

- A. Xác định vùng sản xuất và quy mô áp dụng
- B. Hỗ trợ thành viên áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận

- C. Xác định cơ chế hỗ trợ, giám sát thành viên tuân thủ quy trình sản xuất
- D. Xác định phương án tiêu thụ sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn

Câu 34. Để góp phần gia tăng thương hiệu và giúp HTX tạo được niềm tin đến khách hàng nhiều hơn thì HTX cần:

- A. Thực hiện truy suất nguồn gốc nông sản
- B. Có nhật ký canh tác ghi chép
- C. Giám sát giữa các hộ theo nhóm
- D. Sử dụng công nghệ để theo dõi giám sát

Câu 35. Trong cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất, tổ trưởng sản xuất thuộc bộ phận nào:

- A. Bộ phận tham mưu
- B. Bộ phận quản lý
- C. Bộ phận sản xuất
- D. Bộ phận phục vụ sản xuất

Câu 36. HTX cung cấp đầy đủ thông tin cho người tiêu dùng, từ sản phẩm cuối cùng về nơi đã sản xuất ban đầu, rà soát từng công đoạn trong chế biến và phân phối. HTX đang thực hiện:

- A. Phân phối sản phẩm, dịch vụ
- B. Hỗ trợ thành viên thực hành sản xuất
- C. Truy xuất nguồn gốc nông sản
- D. Thiết lập mã vùng trồng

Câu 37. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp mã số, tổ chức kiểm tra thực địa vùng trồng, đánh giá giám sát theo đề nghị của chủ/đại diện vùng trồng là:

- A. Cục Bảo vệ thực vật
- B. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh
- C. Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn
- D. Ủy ban nhân dân tỉnh

Câu 38. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh báo cáo định kỳ về công tác quản lý vùng trồng cho:

- A. Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn

- B. Ủy ban nhân dân tỉnh
- C. Chi cục Phát triển nông thôn
- D. Cục Bảo vệ thực vật

Câu 39. Cơ quan cấp, thu hồi và hủy mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm, thủy sản là:

- A. Ủy ban nhân dân tỉnh
- B. Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn
- C. Cục Bảo vệ thực vật
- D. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh

Câu 40. Cơ quan cấp, thu hồi và hủy mã số vùng trồng, thông báo và thực hiện việc xác nhận mã số vùng trồng với nước nhập khẩu là:

- A. Ủy ban nhân dân tỉnh
- B. Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn
- C. Cục Bảo vệ thực vật
- D. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh

b. Hướng dẫn trả lời

1B	2B	3A	4A	5B	6B	7B	8A	9B	10A
11A	12A	13B	14B	15A	16B	17B	18A	19B	20A
21B	22A	23A	24A	25B	26A	27A	28B	29C	30D
31C	32B	33D	34D	35C	36B	37D	38B	39D	40A

II. PHẦN THỰC HÀNH

a. Nội dung câu hỏi

1. Bài thực hành số 1

BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH SỐ 1	
Tên nghề	Giám đốc HTX nông nghiệp
Tên mô đun	Quản trị sản xuất nông nghiệp trong hợp tác xã
Trình độ - Bậc kỹ năng nghề	Sơ cấp - Bậc 1

Tên bài kiểm tra	Anh/ chị hãy xây dựng phương án sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo tiêu chuẩn chứng nhận
------------------	---

I. Thời gian thực hiện bài kiểm tra

- Thời gian chuẩn: 60 phút
- Thời gian tối đa: 70 phút

II. Yêu cầu của bài kiểm tra

1. Nhiệm vụ/ công việc người được kiểm tra phải chuẩn bị:

1.1. Nhiệm vụ/ công việc chung của các nội dung kiểm tra

- Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và phụ lục
- Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra thực hành được giám thị phân công

1.2. Nhiệm vụ/công việc : Xây dựng phương án sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo tiêu chuẩn chứng nhận

- Thực hiện các bước xây dựng phương án sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo tiêu chuẩn chứng nhận khi hợp tác xã đảm bảo sản phẩm đầu ra có thị trường tiêu thụ

2. Bản vẽ chi tiết (nếu có) và hướng dẫn kỹ thuật kèm theo

Không

3. Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật, chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ

- Công việc chuẩn bị được thực hiện đầy đủ các nội dung đã yêu cầu. Nếu sử dụng máy tính thì học viên kiểm tra được tình trạng máy đang hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu kiểm tra.

- Xác định được vùng sản xuất và quy mô áp dụng;
- Lựa chọn phương án hỗ trợ thành viên áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận;
- Xác định cơ chế hỗ trợ, giám sát thành viên tuân thủ quy trình sản xuất;
- Xác định phương án tiêu thụ sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn;
- Xác định vai trò của các tác nhân liên quan và hỗ trợ HTX sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận.

4. Yêu cầu về quy trình, trình tự thực hiện bài kiểm tra và các yêu cầu khác dành cho người tham dự

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo yêu cầu của đề
- Thực hiện đúng nội quy, giữ an toàn và trật tự trong quá trình kiểm tra
- Người tham dự kiểm tra phải hoàn thành nội dung kiểm tra trong thời gian qui

định.

III. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu

1. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu người tham dự tự chuẩn bị/được phép mang vào phòng kiểm tra

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Giấy, bút bi, bút chì, thước kẻ	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường	
2	Máy tính tay	Cái	01	Loại thông dụng trên thị trường	
3	Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân				

2. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được chuẩn bị tại địa điểm kiểm tra (cho 1 vị trí kiểm tra)

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Giấy làm bài kiểm tra thực hành; Đề kiểm tra thực hành; Giấy nháp	Bộ	01	Loại thông dụng	

2	Phấn, khăn lau bảng, danh sách thi, bì đựng bài thi	Bộ	01		
---	---	----	----	--	--

3. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được sử dụng để chấm điểm

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Đề kiểm tra; Phiếu chấm điểm; Giấy nháp; Bút đỏ; Máy tính tay	Bộ	01		
2	Laptop hoặc máy tính để bàn	Cái	01	Phù hợp với chuyên môn	
3	Bì đựng bài thi của học viên	Bộ	01	- Còn nguyên vẹn bao bì, đúng tên sản phẩm	

V. Những điểm cần lưu ý

1. Thí sinh dự kiểm tra phải:

- Mang đầy đủ giấy tờ tùy thân, thiết bị, dụng cụ dự thi theo yêu cầu
- Tuân thủ đúng quy chế kiểm tra, đánh giá của ban tổ chức kỳ thi
- Nếu có bất kỳ thiếu sót nào về trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thông báo Ban tổ chức để bổ sung hoặc thay thế

2. Thí sinh bị đình chỉ kiểm tra, đánh giá trong các trường hợp sau:

- Mang vật dụng trái phép vào khu vực kiểm tra hoặc hủy hoại trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu phục vụ kỳ kiểm tra đánh giá
- Vi phạm quy chế kiểm tra ở mức độ cảnh báo hoặc bị khiển trách quá 2 lần
- Nhờ người khác làm bài kiểm tra hộ hoặc tráo kết quả bài kiểm tra của thí sinh khác
- Gây mất trật tự đến mức ảnh hưởng quá trình kiểm tra

3. Thí sinh bị trừ điểm nếu bị mắc một trong các trường hợp sau:

- Kết quả bài kiểm tra không đúng, hoặc sai định dạng quy định
- Thực hiện không đúng trình tự (hoặc thiếu) các bước thực hành
- Không có (hoặc thiếu) ý thức bảo vệ thiết bị, dụng cụ
- Vượt quá thời gian qui định
- Gây mất trật tự, trao đổi, ồn ào trong giờ kiểm tra.

2. Bài thực hành số 2

BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH SỐ 2	
Tên nghề	Giám đốc HTX nông nghiệp
Tên mô đun	Quản trị sản xuất nông nghiệp trong hợp tác xã
Trình độ - Bậc kỹ năng nghề	Sơ cấp - Bậc 1
Tên bài kiểm tra	Anh/ chị hãy xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận trong hợp tác xã

I. Thời gian thực hiện bài kiểm tra

- Thời gian chuẩn: 60 phút
- Thời gian tối đa: 70 phút

II. Yêu cầu của bài kiểm tra

1. Nhiệm vụ/ công việc người được kiểm tra phải chuẩn bị:

1.1. Nhiệm vụ/ công việc chung của các nội dung kiểm tra

- Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và phụ lục
- Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra thực hành được giám thị

phân công

1.2. Nhiệm vụ/công việc : Xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận trong hợp tác xã

- Thực hiện các bước xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận trong hợp tác xã

2. Bản vẽ chi tiết (nếu có) và hướng dẫn kỹ thuật kèm theo

Không

3. Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật, chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ

- Công việc chuẩn bị được thực hiện đầy đủ các nội dung đã yêu cầu. Nếu sử dụng máy tính thì học viên kiểm tra được tình trạng máy đang hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu kiểm tra.

- Sử dụng vật tư đầu vào;
- Thực hành sản xuất cần tuân thủ phương pháp, tần suất, thời điểm thực hiện
- Thực hành sản xuất áp dụng trong mỗi giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng, vật nuôi.

- Danh mục các vật tư đầu vào được sử dụng

4. Yêu cầu về quy trình, trình tự thực hiện bài kiểm tra và các yêu cầu khác dành cho người tham dự

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo yêu cầu của đề
- Thực hiện đúng nội quy, giữ an toàn và trật tự trong quá trình kiểm tra
- Người tham dự kiểm tra phải hoàn thành nội dung kiểm tra trong thời gian qui định.

III. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu

1. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu người tham dự tự chuẩn bị/được phép mang vào phòng kiểm tra

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Giấy, bút bi, bút chì, thước kẻ	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường	
2	Máy tính tay	Cái	01	Loại thông dụng trên thị trường	

3	Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân				
---	--	--	--	--	--

2. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được chuẩn bị tại địa điểm kiểm tra (cho 1 vị trí kiểm tra)

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Giấy làm bài kiểm tra thực hành; Đề kiểm tra thực hành; Giấy nháp	Bộ	01	Loại thông dụng	
2	Phấn, khăn lau bảng, danh sách thi, bì đựng bài thi	Bộ	01		

3. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được sử dụng để chấm điểm

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Đề kiểm tra; Phiếu chấm điểm; Giấy nháp; Bút đỏ; Máy tính tay	Bộ	01		
2	Laptop hoặc máy tính để bàn	Cái	01	Phù hợp với chuyên môn	
3	Bì đựng bài thi của học viên	Bộ	01	- Còn nguyên vẹn bao bì, đúng tên sản phẩm	

V. Những điểm cần lưu ý

1. Thí sinh dự kiểm tra phải:

- Mang đầy đủ giấy tờ tùy thân, thiết bị, dụng cụ dự thi theo yêu cầu
- Tuân thủ đúng quy chế kiểm tra, đánh giá của ban tổ chức kỳ thi
- Nếu có bất kỳ thiếu sót nào về trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thông báo Ban

tổ chức để bổ sung hoặc thay thế

4. Thí sinh bị đình chỉ kiểm tra, đánh giá trong các trường hợp sau:

- Mang vật dụng trái phép vào khu vực kiểm tra hoặc hủy hoại trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu phục vụ kỳ kiểm tra đánh giá

- Vi phạm quy chế kiểm tra ở mức độ cảnh báo hoặc bị khiển trách quá 2 lần
- Nhờ người khác làm bài kiểm tra hộ hoặc tráo kết quả bài kiểm tra của thí sinh

khác

- Gây mất trật tự đến mức ảnh hưởng quá trình kiểm tra

5. Thí sinh bị trừ điểm nếu bị mắc một trong các trường hợp sau:

- Kết quả bài kiểm tra không đúng, hoặc sai định dạng quy định
- Thực hiện không đúng trình tự (hoặc thiếu) các bước thực hành
- Không có (hoặc thiếu) ý thức bảo vệ thiết bị, dụng cụ
- Vượt quá thời gian qui định
- Gây mất trật tự, trao đổi, ồn ào trong giờ kiểm tra.

3. Bài thực hành số 3

BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH SỐ 3	
Tên nghề	Giám đốc HTX nông nghiệp
Tên mô đun	Quản trị sản xuất nông nghiệp trong hợp tác xã
Trình độ - Bậc kỹ năng nghề	Sơ cấp - Bậc 1
Tên bài kiểm tra	Anh/ chị hãy xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong hợp tác xã

I. Thời gian thực hiện bài kiểm tra

- Thời gian chuẩn: 60 phút
- Thời gian tối đa: 70 phút

II. Yêu cầu của bài kiểm tra

1. Nhiệm vụ/ công việc người được kiểm tra phải chuẩn bị:

1.1. Nhiệm vụ/ công việc chung của các nội dung kiểm tra

- Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và phụ lục
- Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra thực hành được giám thị phân công

1.2. Nhiệm vụ/công việc : Xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong hợp tác xã

- Thực hiện các bước xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong hợp tác xã

2. Bản vẽ chi tiết (nếu có) và hướng dẫn kỹ thuật kèm theo

Không

3. Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật, chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ

- Công việc chuẩn bị được thực hiện đầy đủ các nội dung đã yêu cầu. Nếu sử dụng máy tính thì học viên kiểm tra được tình trạng máy đang hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu kiểm tra.

4. Yêu cầu về quy trình, trình tự thực hiện bài kiểm tra và các yêu cầu khác dành cho người tham dự

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo yêu cầu của đề
- Thực hiện đúng nội quy, giữ an toàn và trật tự trong quá trình kiểm tra
- Người tham dự kiểm tra phải hoàn thành nội dung kiểm tra trong thời gian qui định.

III. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu

1. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu người tham dự tự chuẩn bị/được phép mang vào phòng kiểm tra

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Giấy, bút bi, bút chì, thước kẻ	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường	
2	Máy tính tay	Cái	01	Loại thông dụng trên thị trường	
3	Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân				

2. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được chuẩn bị tại địa điểm kiểm tra (cho 1 vị trí kiểm tra)

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Giấy làm bài kiểm tra thực hành; Đề kiểm tra thực hành; Giấy nháp	Bộ	01	Loại thông dụng	
2	Phấn, khăn lau bảng, danh sách thi, bì đựng bài thi	Bộ	01		

3. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được sử dụng để chấm điểm

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Đề kiểm tra; Phiếu chấm điểm; Giấy	Bộ	01		

	nháp; Bút đỏ; Máy tính tay				
2	Laptop hoặc máy tính để bàn	Cái	01	Phù hợp với chuyên môn	
3	Bì đựng bài thi của học viên	Bộ	01	- Còn nguyên vẹn bao bì, đúng tên sản phẩm	

V. Những điểm cần lưu ý

1. Thí sinh dự kiểm tra phải:

- Mang đầy đủ giấy tờ tùy thân, thiết bị, dụng cụ dự thi theo yêu cầu
- Tuân thủ đúng quy chế kiểm tra, đánh giá của ban tổ chức kỳ thi
- Nếu có bất kỳ thiếu sót nào về trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thông báo Ban

tổ chức để bổ sung hoặc thay thế

6. Thí sinh bị đình chỉ kiểm tra, đánh giá trong các trường hợp sau:

- Mang vật dụng trái phép vào khu vực kiểm tra hoặc hủy hoại trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu phục vụ kỳ kiểm tra đánh giá

- Vi phạm quy chế kiểm tra ở mức độ cảnh báo hoặc bị khiển trách quá 2 lần
- Nhờ người khác làm bài kiểm tra hộ hoặc tráo kết quả bài kiểm tra của thí sinh

khác

- Gây mất trật tự đến mức ảnh hưởng quá trình kiểm tra

7. Thí sinh bị trừ điểm nếu bị mắc một trong các trường hợp sau:

- Kết quả bài kiểm tra không đúng, hoặc sai định dạng quy định
- Thực hiện không đúng trình tự (hoặc thiếu) các bước thực hành
- Không có (hoặc thiếu) ý thức bảo vệ thiết bị, dụng cụ
- Vượt quá thời gian qui định
- Gây mất trật tự, trao đổi, ồn ào trong giờ kiểm tra.

4. Bài thực hành số 4

BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH SỐ 4	
Tên nghề	Giám đốc HTX nông nghiệp
Tên mô đun	Quản trị sản xuất nông nghiệp trong hợp tác xã
Trình độ - Bậc kỹ năng nghề	Sơ cấp - Bậc 1
Tên bài kiểm tra	Anh/ chị hãy phân tích các tiêu chuẩn chứng nhận để hợp tác xã lựa chọn cho sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận

I. Thời gian thực hiện bài kiểm tra

- Thời gian chuẩn: 60 phút
- Thời gian tối đa: 70 phút

II. Yêu cầu của bài kiểm tra

1. Nhiệm vụ/ công việc người được kiểm tra phải chuẩn bị:

1.1. Nhiệm vụ/ công việc chung của các nội dung kiểm tra

- Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và phụ lục
- Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra thực hành được giám thị phân công

1.2. Nhiệm vụ/công việc : Phân tích các tiêu chuẩn chứng nhận để hợp tác xã lựa chọn cho sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận

- Thực hiện phân tích các trường hợp áp dụng tiêu chuẩn chứng nhận và các yếu tố ảnh hưởng khi lựa chọn tiêu chuẩn áp dụng

2. Bản vẽ chi tiết (nếu có) và hướng dẫn kỹ thuật kèm theo

Không

3. Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật, chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ

- Công việc chuẩn bị được thực hiện đầy đủ các nội dung đã yêu cầu. Nếu sử dụng máy tính thì học viên kiểm tra được tình trạng máy đang hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu kiểm tra.

- Phân tích các trường hợp áp dụng tiêu chuẩn chứng nhận;
- Xem xét các yếu tố ảnh hưởng khi lựa chọn tiêu chuẩn áp dụng;;
- Xác định hiệu quả kinh tế của việc sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận;
- Xem xét lại việc áp dụng và trao đổi với thành viên HTX.

4. Yêu cầu về quy trình, trình tự thực hiện bài kiểm tra và các yêu cầu khác dành cho người tham dự

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo yêu cầu của đề
- Thực hiện đúng nội quy, giữ an toàn và trật tự trong quá trình kiểm tra
- Người tham dự kiểm tra phải hoàn thành nội dung kiểm tra trong thời gian qui định.

III. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu

1. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu người tham dự tự chuẩn bị/được phép mang vào phòng kiểm tra

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Giấy, bút bi, bút chì, thước kẻ	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường	
2	Máy tính tay	Cái	01	Loại thông dụng trên thị trường	
3	Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân				

2. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được chuẩn bị tại địa điểm kiểm tra (cho 1 vị trí kiểm tra)

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
----	---------------------------------	-------------	----------	-------------------------	---------

1	Giấy làm bài kiểm tra thực hành; Đề kiểm tra thực hành; Giấy nháp	Bộ	01	Loại thông dụng	
2	Phấn, khăn lau bảng, danh sách thi, bì đựng bài thi	Bộ	01		

3. Danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu được sử dụng để chấm điểm

TT	Tên thiết bị, dụng cụ, vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Ghi chú
1	Đề kiểm tra; Phiếu chấm điểm; Giấy nháp; Bút đỏ; Máy tính tay	Bộ	01		
2	Laptop hoặc máy tính để bàn	Cái	01	Phù hợp với chuyên môn	
3	Bì đựng bài thi của học viên	Bộ	01	- Còn nguyên vẹn bao bì, đúng tên sản phẩm	

V. Những điểm cần lưu ý

1. Thí sinh dự kiểm tra phải:

- Mang đầy đủ giấy tờ tùy thân, thiết bị, dụng cụ dự thi theo yêu cầu

- Tuân thủ đúng quy chế kiểm tra, đánh giá của ban tổ chức kỳ thi

- Nếu có bất kỳ thiếu sót nào về trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thông báo Ban tổ chức để bổ sung hoặc thay thế

8. Thí sinh bị đình chỉ kiểm tra, đánh giá trong các trường hợp sau:

- Mang vật dụng trái phép vào khu vực kiểm tra hoặc hủy hoại trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu phục vụ kỳ kiểm tra đánh giá

- Vi phạm quy chế kiểm tra ở mức độ cảnh báo hoặc bị khiển trách quá 2 lần

- Nhờ người khác làm bài kiểm tra hộ hoặc tráo kết quả bài kiểm tra của thí sinh khác

- Gây mất trật tự đến mức ảnh hưởng quá trình kiểm tra

9. Thí sinh bị trừ điểm nếu bị mắc một trong các trường hợp sau:

- Kết quả bài kiểm tra không đúng, hoặc sai định dạng quy định

- Thực hiện không đúng trình tự (hoặc thiếu) các bước thực hành

- Không có (hoặc thiếu) ý thức bảo vệ thiết bị, dụng cụ

- Vượt quá thời gian qui định

- Gây mất trật tự, trao đổi, ồn ào trong giờ kiểm tra.

b.Hướng dẫn trả lời

1. Bài thực hành số 1

I. Điểm tối đa của bài kiểm tra: 100 điểm

II. Phương pháp chấm điểm trừ

- Điểm đạt của người dự kiểm tra được xác định bằng một trăm (100) điểm trừ đi tổng số điểm bị trừ do các lỗi mà người dự kiểm tra mắc phải

- Số điểm bị trừ được tính theo mỗi mục đánh giá chi tiết

- Số điểm bài kiểm tra là số âm thì được tính bằng 0 điểm

- Các hạng mục đánh giá chủ quan phải được hoàn thành việc chấm điểm trước khi chấm điểm các hạng mục đánh giá khách quan

III. Phiếu chấm điểm (đính kèm)

Bài kiểm tra thực hành được chấm điểm theo các yêu cầu cơ bản của từng công việc/ bước công việc sau:

TT	Công việc/Bước công việc	Yêu cầu cơ bản
1.	Chuẩn bị	

1.1	Nghe và ký nhận phiếu giao bài kiểm tra thực hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận đúng đề kiểm tra, đúng mô đun - Ký nhận vào phiếu tham dự kỳ kiểm tra kết thúc mô đun
1.2	Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra được giám thị phân công	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận đầy đủ giấy làm bài kiểm tra thực hành - Ngồi đúng vị trí thi thực hành
2.	<i>Nhiệm vụ : Xây dựng phương án sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo tiêu chuẩn chứng nhận</i>	
2.1	Bước 1: Xác định được vùng sản xuất và quy mô áp dụng;	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận áp dụng trên địa bàn nào. Trong trường hợp một số hộ có diện tích nằm trong cánh đồng đó không đồng ý tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận chung của HTX thì HTX cần đưa ra phương án xử lý (ví dụ như vận động, thuyết phục tham gia: cán bộ HTX trực tiếp vận động hoặc nhờ đến chính quyền địa phương, người có uy tín để vận động; hoặc HTX thuê lại diện tích của hộ đó); - Quy mô sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận (ha; số con; sản lượng); - Bao nhiêu hộ tham gia, với diện tích, sản lượng của hộ là bao nhiêu? - Bao nhiêu diện tích, sản lượng là sản xuất chung của HTX; - Điều kiện của hộ để tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận. Những hộ nào thì được ưu tiên tham gia (ví dụ, hộ có quy

		<p>mô sản xuất lớn, hộ đã áp dụng sản xuất theo một tiêu chuẩn chứng nhận nào đó, hộ được đánh giá có ý thức nghiêm chỉnh chấp hành các quy chế, yêu cầu của HTX, của địa phương,...).</p>
2.2	<p>Bước 2: Lựa chọn phương án hỗ trợ thành viên áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận;</p>	<p>Để tạo thuận lợi, khuyến khích thành viên HTX áp dụng một tiêu chuẩn chứng nhận trong sản xuất thì HTX cần có sự hỗ trợ cho thành viên. Những hỗ trợ cho thành viên nên hướng đến các nội dung mà thành viên phải đầu tư bổ sung so với sản xuất thông thường và đảm bảo thuận lợi cho thành viên tuân thủ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận. Các hỗ trợ có thể gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn về tiêu chuẩn chứng nhận, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn; - Hướng dẫn hộ áp dụng trong quá trình sản xuất; - Hỗ trợ đầu tư bổ sung để đáp ứng tiêu chuẩn (ví dụ hỗ trợ bảo hộ lao động, biển báo phun thuốc bảo vệ thực vật, dụng cụ đo nước, sổ sách ghi chép,...); - Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn; - Cung ứng vật tư đầu vào đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, đặc biệt là giống, thuốc

		<p>bảo vệ thực vật để đảm bảo nông sản có chất lượng đồng đều, tốt.</p>
2.3	<p>Bước 3: Xác định cơ chế hỗ trợ, giám sát thành viên tuân thủ quy trình sản xuất;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định rõ cách thức hỗ trợ thành viên trong quá trình sản xuất để xử lý các vấn đề nảy sinh như dịch bệnh mới, thay đổi thời tiết,... - Xác định các cơ chế giám sát thành viên tuân thủ quy trình sản xuất và cơ chế xử phạt khi thành viên vi phạm quy trình sản xuất, vi phạm hợp đồng đã ký kết.
2.4	<p>Bước 4: Xác định phương án tiêu thụ sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn được bán cho ai, cơ chế thu mua như thế nào (thời điểm, địa điểm). - Giá bán sản phẩm. - Cơ chế thanh quyết toán. - Nội dung hợp đồng với doanh nghiệp như thế nào (trong trường hợp có liên kết bao tiêu sản phẩm)
2.5	<p>Bước 5: Xác định vai trò của các tác nhân liên quan và hỗ trợ HTX sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ thành viên áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận theo định hướng của HTX có thể có những tác nhân sau liên quan: <ol style="list-style-type: none"> 1) HTX ; 2) Doanh nghiệp liên kết bao tiêu sản phẩm; 3) cơ quan nhà nước; 4) Tổ chức, dự án phát triển.

		Vì vậy HTX cần xác định rõ vai trò của các tác nhân này trong việc HTX triển khai sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận.
4	<i>Trách nhiệm, ý thức</i>	Thực hiện đúng nội quy thi, giữ an toàn, trật tự trong quá trình thi.
5	<i>Thời gian</i>	- Thời gian chuẩn: 60 phút - Thời gian tối đa: 70 phút

III. Phiếu chấm điểm (đính kèm)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH	
Tên nghề	Giám đốc HTX nông nghiệp
Tên mô đun/môn học	Tổng quan về HTX, Luật HTX và các chính sách phát triển HTX ở VN
Trình độ - Bậc kỹ năng nghề	Sơ cấp - Bậc 1
Ngày đánh giá	
Nơi đánh giá	
Họ và tên người đánh giá	
Tổng điểm bài thi/100

TÊN BÀI KIỂM TRA:

Anh/ chị hãy xây dựng phương án sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo tiêu chuẩn chứng nhận

Thời gian bắt đầu: giờ ... phút

Thời gian kết thúc:giờ... phút

Mục	Nội dung chấm điểm	Số điểm bị trừ	Tổng điểm (100đ)	Điểm trừ
1	Chuẩn bị		5	

1.1	Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và các phụ lục	Ký và nhận đầy đủ	Thiếu 1 yêu cầu	2	
		0	2		
1.2	Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra	Đầy đủ giấy và đúng vị trí thi	Sai 1 yêu cầu	3	
		0	3		
2	<i>Xây dựng phương án sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo tiêu chuẩn chứng nhận</i>			80	
2.1	Bước 1: Xác định được vùng sản xuất và quy mô áp dụng;	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	20	
		0	5		
2.2	Bước 2: Lựa chọn phương án hỗ trợ thành viên áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận;	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	20	
		0	5		
2.3	Bước 3: Xác định cơ chế hỗ trợ, giám sát thành viên tuân thủ quy trình sản xuất;	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	10	
		0	2		
2.4	Bước 4: Xác định phương án tiêu thụ sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	20	
		0	4		
2.5	Bước 5: Xác định vai trò của các tác nhân liên quan và hỗ trợ	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	10	

	HTX sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận.	0	4		
3	Trách nhiệm, ý thức			5	
	Thực hiện đúng nội quy thi, trật tự trong quá trình thi.	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	5	
		0	5		
4	Thời gian			10	
	Thời gian chuẩn: 60 phút Thời gian tối đa: 70 phút	Đúng thời gian	Quá 1-5 phút	10	
		0	2		
		Quá 6-10 phút	Quá 10 phút		
		5	10		
	Tổng điểm bị trừ				
	Tổng điểm đạt=100 – Tổng điểm bị trừ				

2. Bài thực hành số 2

I. Điểm tối đa của bài kiểm tra: 100 điểm

II. Phương pháp chấm điểm trừ

- Điểm đạt của người dự kiểm tra được xác định bằng một trăm (100) điểm trừ đi tổng số điểm bị trừ do các lỗi mà người dự kiểm tra mắc phải

- Số điểm bị trừ được tính theo mỗi mục đánh giá chi tiết

- Số điểm bài kiểm tra là số âm thì được tính bằng 0 điểm

- Các hạng mục đánh giá chủ quan phải được hoàn thành việc chấm điểm trước khi chấm điểm các hạng mục đánh giá khách quan

III. Phiếu chấm điểm (đính kèm)

Bài kiểm tra thực hành được chấm điểm theo các yêu cầu cơ bản của từng công việc/ bước công việc sau:

TT	Công việc/Bước công việc	Yêu cầu cơ bản
1.	<i>Chuẩn bị</i>	
1.1	Nghe và ký nhận phiếu giao bài kiểm tra thực hành	- Nhận đúng đề kiểm tra, đúng mô đun - Ký nhận vào phiếu tham dự kỳ kiểm tra kết thúc mô đun
1.2	Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra được giám thị phân công	- Nhận đầy đủ giấy làm bài kiểm tra thực hành - Ngồi đúng vị trí thi thực hành
2.	<i>Nhiệm vụ : Xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận trong hợp tác xã</i>	
2.1	Bước 1: Sử dụng vật tư đầu vào	- Quy trình sản xuất phải chỉ định rõ những loại vật tư đầu vào nào phải sử dụng bắt buộc, các vật tư nào được khuyến cáo áp dụng, vật tư đầu vào nào bắt buộc không được sử dụng. - Vật tư đầu vào gồm: cây giống/con giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, nước tưới, thuốc tăng trưởng,...;
2.2	Bước 2: Thực hành sản xuất cần tuân thủ phương pháp, tần suất, thời điểm thực hiện	+ Các thực hành sản xuất liên quan đến cây trồng: chuẩn bị đất, gieo sạ/trồng cây, bón phân, biện pháp bảo vệ thực vật, tưới/tiêu nước, diệt cỏ,... + Các thực hành sản xuất chăn nuôi: chuẩn bị chuồng trại/ao nuôi, thả giống, thức ăn, thú y, vệ sinh khử trùng, cách ly,...

2.3	+ Thực hành sản xuất áp dụng trong mỗi giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng, vật nuôi.	<p>- Cần nêu rõ các thực hành sản xuất được khuyến cáo áp dụng trong mỗi giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng, vật nuôi. Tức là, quy trình sản xuất nên chỉ rõ, ở mỗi giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng, vật nuôi thì những thực hành nào cần phải thực hiện, những vật tư đầu vào nào cần được sử dụng và liều lượng sử dụng.</p> <p>- Ví dụ, trong chăn nuôi lợn thịt theo VietGAP thì ở giai đoạn vỗ béo lợn cần chỉ rõ những thực hành sản xuất nào cần được thực hiện, thức ăn nào được khuyến cáo sử dụng, những thức ăn, thuốc thú y nào bị cấm sử dụng,...</p>
2.3	Bước 3: Danh mục các vật tư đầu vào được sử dụng	Quy trình thực hành sản xuất cần nêu rõ danh mục các vật tư đầu vào được sử dụng và/hoặc danh mục vật tư đầu vào bị cấm sử dụng.
4	<i>Trách nhiệm, ý thức</i>	Thực hiện đúng nội quy thi, giữ an toàn, trật tự trong quá trình thi.
5	<i>Thời gian</i>	<p>- Thời gian chuẩn: 60 phút</p> <p>- Thời gian tối đa: 70 phút</p>

III. Phiếu chấm điểm (đính kèm)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH

Tên nghề	Giám đốc HTX nông nghiệp
Tên mô đun/môn học	Tổng quan về HTX, Luật HTX và các chính sách phát triển HTX ở VN
Trình độ - Bậc kỹ năng nghề	Sơ cấp - Bậc 1
Ngày đánh giá	
Nơi đánh giá	
Họ và tên người đánh giá	
Tổng điểm bài thi/100

TÊN BÀI KIỂM TRA:

Anh/ chị hãy xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận trong hợp tác xã

Thời gian bắt đầu: giờ ... phút

Thời gian kết thúc:giờ... phút

Mục c	Nội dung chấm điểm	Số điểm bị trừ		Tổng điểm (100đ)	Điểm trừ
1	Chuẩn bị			5	
1.1	Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và các phụ lục	Ký và nhận đầy đủ	Thiếu 1 yêu cầu	2	
		0	2		
1.2	Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra	Đầy đủ giấy và đúng vị trí thi	Sai 1 yêu cầu	3	
		0	3		
2	Xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận trong hợp tác xã			80	

2.1	Bước 1: Sử dụng vật tư đầu vào	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	20	
		0	2		
2.2	. Bước 2: Thực hành sản xuất cần tuân thủ phương pháp, tần suất, thời điểm thực hiện	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	25	
		0	2		
2.3	+ Thực hành sản xuất áp dụng trong mỗi giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng, vật nuôi	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	25	
		0	2		
2.4	Bước 3: Danh mục các vật tư đầu vào được sử dụng	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	10	
		0	1		
3	Trách nhiệm, ý thức			5	
	Thực hiện đúng nội quy thi, trật tự trong quá trình thi.	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	5	
		0	5		
4	Thời gian			10	
	Thời gian chuẩn: 60 phút Thời gian tối đa: 70 phút	Đúng thời gian	Quá 1-5 phút	10	
		0	2		
		Quá 6-10 phút	Quá 10 phút		
		5	10		
Tổng điểm bị trừ					

	Tổng điểm đạt=100 – Tổng điểm bị trừ	
--	---	--

3. Bài thực hành số 3

I. Điểm tối đa của bài kiểm tra: 100 điểm

II. Phương pháp chấm điểm trừ

- Điểm đạt của người dự kiểm tra được xác định bằng một trăm (100) điểm trừ đi tổng số điểm bị trừ do các lỗi mà người dự kiểm tra mắc phải

- Số điểm bị trừ được tính theo mỗi mục đánh giá chi tiết

- Số điểm bài kiểm tra là số âm thì được tính bằng 0 điểm

- Các hạng mục đánh giá chủ quan phải được hoàn thành việc chấm điểm trước khi chấm điểm các hạng mục đánh giá khách quan

III. Phiếu chấm điểm (đính kèm)

Bài kiểm tra thực hành được chấm điểm theo các yêu cầu cơ bản của từng công việc/ bước công việc sau:

TT	Công việc/Bước công việc	Yêu cầu cơ bản
1.	<i>Chuẩn bị</i>	
1.1	Nghe và ký nhận phiếu giao bài kiểm tra thực hành	- Nhận đúng đề kiểm tra, đúng mô đun - Ký nhận vào phiếu tham dự kỳ kiểm tra kết thúc mô đun
1.2	Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra được giám thị phân công	- Nhận đầy đủ giấy làm bài kiểm tra thực hành - Ngồi đúng vị trí thi thực hành
2.	<i>Nhiệm vụ : Xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong hợp tác xã</i>	
2.1	Bước 1: Chuyển từ canh tác vô cơ sang canh tác hữu cơ	- Phương pháp canh tác vô cơ là việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc bảo quản sau thu hoạch và

		<p>nhiều loại hóa chất khác một cách thiếu kiểm soát. Tập quán này gây ra chai cứng đất, làm mất cân bằng của hệ sinh thái vi sinh vật trong đất, làm tăng hàm lượng thuốc BVTV trong sản phẩm làm ra gây ảnh hưởng xấu lên sức khỏe của người tiêu dùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Canh tác hữu cơ là phương pháp sử dụng các chất hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp: phân bón hữu cơ, áp dụng phương pháp BVTV hữu cơ, bảo quản hữu cơ. - Muốn canh tác hữu cơ thì cần có giống sạch (bệnh), đất sạch (không chứa mầm bệnh và các chất có hại cho cây trồng), nước sạch (cho cả cây trồng và vật nuôi), phân bón sạch (tốt nhất là phân bón hữu cơ vi sinh), thức ăn sạch (cho vật nuôi), phương pháp BVTV sạch và chế phẩm bảo quản sạch (không có hóa chất). Quá trình chuyển từ canh tác vô cơ sang hữu cơ chính là quá trình tạo ra những yếu tố sạch đó.
2.2	<p>Bước 2: Ứng dụng công nghệ cao vào canh tác hữu cơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong sản xuất nông nghiệp, khi áp dụng những công nghệ cao, tiên tiến sẽ kiểm soát được trạng thái cây trồng, vật nuôi. Những công nghệ cao này được áp dụng trên tất cả các khâu sản xuất.

		<p>Trước tiên là đối với đất. Trước khi trồng, đất phải được xác định chi tiết trạng thái ban đầu để đảm bảo an toàn cho cây trồng.</p> <p>Ngay sau đó là nước. Với thói quen sử dụng nước tưới không qua xử lý (lấy thẳng từ kênh, mương để tưới) nay phải biết chất lượng của nguồn nước đầu vào để xử lý thành nước an toàn rồi mới tưới cây, cho vật nuôi uống hay nuôi thủy sản.</p> <p>Tiếp theo là phân bón, Khi tìm ra lời giải cho cả 6 vấn đề đó (giống, đất, nước, phân bón/dinh dưỡng, thuốc BVTV, bảo quản) thì nền nông nghiệp công nghệ cao mới thật sự là an toàn và phát triển bền vững.</p> <p>Không chỉ một vài công nghệ tham gia mà là hàng chục, thậm chí hàng trăm công nghệ được ứng dụng (riêng trong từng lĩnh vực như công nghệ sinh học, công nghệ nano, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường, công nghệ thông tin, công nghệ robot và tự động hóa, logistics,... đã có hàng chục công nghệ khác nhau). Cần nói thêm là việc ứng dụng công nghệ cao chỉ nên áp dụng để phát triển nông nghiệp hữu cơ.</p> <p>Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ giúp tăng năng suất và chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, mang lại</p>
--	--	--

		cho người sản xuất thu nhập ngày càng cao và ổn định.
2.3	Bước 3: Phát triển nền nông nghiệp hữu cơ bền vững	<p>Nếu bước 1 là chuyển đổi, bước 2 là chạy đà thì bước 3 là phát triển bền vững. Cả 3 bước này được thực hiện trong kỷ nguyên số nên chắc chắn công nghệ số là nền tảng cơ bản để thúc đẩy sự phát triển. Bản thân công nghệ số không tác động trực tiếp lên cây trồng, vật nuôi như thức ăn, nước uống nhưng nó giúp cho con người nắm được mọi thông tin về trạng thái sản xuất để có những điều chỉnh phù hợp và kịp thời.</p> <p>Trên con đường phát triển nền nông nghiệp hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ cao với công nghệ số làm nền tảng, nhiều vấn đề sẽ nảy sinh, nhiều bài toán sẽ phải giải trong đó, vai trò của những thành phần tạo nên hệ sinh thái nông nghiệp hiện nay sẽ thay đổi hoàn toàn.</p>
4	<i>Trách nhiệm, ý thức</i>	Thực hiện đúng nội quy thi, giữ an toàn, trật tự trong quá trình thi.
5	<i>Thời gian</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian chuẩn: 60 phút - Thời gian tối đa: 70 phút

III. Phiếu chấm điểm (đính kèm)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH

Tên nghề	Giám đốc HTX nông nghiệp
Tên mô đun/môn học	Tổng quan về HTX, Luật HTX và các chính sách phát triển HTX ở VN
Trình độ - Bậc kỹ năng nghề	Sơ cấp - Bậc 1
Ngày đánh giá	
Nơi đánh giá	
Họ và tên người đánh giá	
Tổng điểm bài thi/100

TÊN BÀI KIỂM TRA:

Anh/ chị hãy xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong hợp tác xã

Thời gian bắt đầu: giờ ... phút

Thời gian kết thúc:giờ... phút

Mục c	Nội dung chấm điểm	Số điểm bị trừ		Tổng điểm (100đ)	Điểm trừ
1	Chuẩn bị			5	
1.1	Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và các phụ lục	Ký và nhận đầy đủ 0	Thiếu 1 yêu cầu 2	2	
1.2	Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra	Đầy đủ giấy và đúng vị trí thi 0	Sai 1 yêu cầu 3	3	
2	Xây dựng quy trình tổ chức sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong hợp tác xã			80	

2.1	Bước 1: Chuyển từ canh tác vô cơ sang canh tác hữu cơ	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	25	
		0	3		
2.2	Bước 2: Ứng dụng công nghệ cao vào canh tác hữu cơ	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	30	
		0	5		
2.3	Bước 3: Phát triển nền nông nghiệp hữu cơ bền vững	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	25	
		0	2		
3	Trách nhiệm, ý thức			5	
	Thực hiện đúng nội quy thi, trật tự trong quá trình thi.	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	5	
		0	5		
4	Thời gian			10	
	Thời gian chuẩn: 60 phút Thời gian tối đa: 70 phút	Đúng thời gian	Quá 1-5 phút	10	
		0	2		
		Quá 6-10 phút	Quá 10 phút		
		5	10		
Tổng điểm bị trừ					
Tổng điểm đạt=100 – Tổng điểm bị trừ					

4. Bài thực hành số 4

I. Điểm tối đa của bài kiểm tra: 100 điểm

II. Phương pháp chấm điểm trừ

- Điểm đạt của người dự kiểm tra được xác định bằng một trăm (100) điểm trừ đi tổng số điểm bị trừ do các lỗi mà người dự kiểm tra mắc phải

- Số điểm bị trừ được tính theo mỗi mục đánh giá chi tiết

- Số điểm bài kiểm tra là số âm thì được tính bằng 0 điểm

- Các hạng mục đánh giá chủ quan phải được hoàn thành việc chấm điểm trước khi chấm điểm các hạng mục đánh giá khách quan

III. Phiếu chấm điểm (đính kèm)

Bài kiểm tra thực hành được chấm điểm theo các yêu cầu cơ bản của từng công việc/ bước công việc sau:

TT	Công việc/Bước công việc	Yêu cầu cơ bản
1.	<i>Chuẩn bị</i>	
1.1	Nghe và ký nhận phiếu giao bài kiểm tra thực hành	- Nhận đúng đề kiểm tra, đúng mô đun - Ký nhận vào phiếu tham dự kỳ kiểm tra kết thúc mô đun
1.2	Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra được giám thị phân công	- Nhận đầy đủ giấy làm bài kiểm tra thực hành - Ngồi đúng vị trí thi thực hành
2.	<i>Nhiệm vụ : Phân tích các tiêu chuẩn chứng nhận để hợp tác xã lựa chọn cho sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận</i>	
2.1	Phân tích các trường hợp áp dụng tiêu chuẩn chứng nhận;	Việc áp dụng một tiêu chuẩn chứng nhận trong sản xuất nông lâm thủy sản của HTX nông nghiệp có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

		<p>+ Theo yêu cầu của đối tác (doanh nghiệp, HTX khác, người thu gom, đại lý,...) liên kết bao tiêu sản phẩm của HTX. Trong trường hợp đối tác cần sản phẩm phải đáp ứng một tiêu chuẩn nhất định thì thường yêu cầu HTX/hộ thành viên phải sản xuất theo tiêu chuẩn do doanh nghiệp/đối tác bao tiêu sản phẩm đưa ra. Ví dụ, doanh nghiệp có thể yêu cầu HTX sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP trong sản xuất lúa; áp dụng tiêu chuẩn ASC trong nuôi tôm; áp dụng tiêu chuẩn UTZ trong canh tác cà phê,...</p> <p>+ Theo yêu cầu của thành viên HTX hoặc của HĐQT HTX. Một số thành viên của HTX có thể yêu cầu HTX áp dụng sản xuất theo một tiêu chuẩn chất lượng nào đó. Tương tự, HĐQT HTX có thể đề nghị các thành viên áp dụng sản xuất theo một tiêu chuẩn chất lượng nào đó.</p>
2.2	- Xem xét các yếu tố ảnh hưởng khi lựa chọn tiêu chuẩn áp dụng;;	<p>- Mức độ phức tạp của tiêu chuẩn sản xuất và khả năng áp dụng vào thực tế sản xuất của thành viên. Các tiêu chuẩn chất lượng nhìn chung phức tạp hơn so với quy trình sản xuất thông thường mà hộ nông dân đang áp dụng do:</p> <p>+ Các tiêu chuẩn chất lượng không chỉ yêu cầu các thực hành để đảm bảo chất</p>

	<p>lượng sản phẩm (cả về an toàn thực phẩm) mà còn nhiều thực hành để đảm bảo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ sức khỏe người sản xuất và cộng đồng, bảo vệ quyền trẻ em, phụ nữ và người yếu thế;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Một số thực hành sản xuất bổ sung mà trước đây hộ nông dân chưa áp dụng. + Điều kiện tự nhiên, điều kiện đồng ruộng có khả năng áp dụng tiêu chuẩn không Ví dụ, sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ thì đồng ruộng phải đảm bảo có thể ngăn được ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật vô cơ từ bên ngoài do gió, nguồn nước; cánh đồng có thuận lợi cho việc kiểm soát chất lượng nguồn nước tưới không? - Mức độ rủi ro trong sản xuất của việc áp dụng tiêu chuẩn sản xuất đó. Việc áp dụng một số tiêu chuẩn có thể mang lại rủi ro cao hơn cho người sản xuất. Do vậy, phương án dự phòng khi có xử lý rủi ro có đảm bảo cho sản xuất không? + Ví dụ: trong trường hợp dịch bệnh, các loại thuốc bảo vệ thực vật được khuyến cáo nhưng không mang lại hiệu quả chống dịch bệnh thì xử lý thế nào? Có sử dụng loại thuốc bảo vệ thực vật khác không? Và nếu sử dụng thì ảnh hưởng đến chất lượng sản
--	---

		phẩm và doanh nghiệp có thu mua sản phẩm nữa không?
2.3	- Xác định hiệu quả kinh tế của việc sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận;	<p>- HTX cần phải tính toán, dự báo được nếu sản xuất theo một tiêu chuẩn chứng nhận nào đó thì năng suất cây trồng, vật nuôi sẽ như thế nào?</p> <p>- Chất lượng sản phẩm ra sao? Sản phẩm sẽ được tiêu thụ ở đâu, tiêu thụ như thế nào? Giá bán sản phẩm thế nào?</p> <p>- Chi phí sản xuất bao nhiêu? Chi phí cho đánh giá và chứng nhận như thế nào? Nguồn kinh phí nào để chi trả chi phí đánh giá và cấp giấy chứng chứng nhận đạt tiêu chuẩn?</p> <p>- Lợi nhuận trên một đơn vị sản xuất như thế nào?</p> <p>- Mức tăng thêm của lợi nhuận có bù đắp được chi phí và công lao động bỏ ra không?</p>
2.4	- Xem xét lại việc áp dụng và trao đổi với thành viên HTX;	- Hội đồng quản trị và Giám đốc HTX phải tìm hiểu (qua tham khảo ý kiến các chuyên gia, tham vấn cơ quan quản lý nhà nước, thông tin trên báo, đài, mạng internet,...) và/hoặc trao đổi với doanh nghiệp, đơn vị đánh giá và cấp chứng nhận tiêu chuẩn để trả lời được các vấn đề nêu trên. HTX cử cán bộ HTX thăm quan, trao đổi với một HTX/ tổ hợp tác khác đã sản

		<p>xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận mà HTX mong muốn áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ HTX cần phải xem xét và trả lời được các câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Khoảng cách thực hành hiện tại của hộ thành viên so với thực hành sản xuất yêu cầu trong tiêu chuẩn chứng nhận dự kiến áp dụng có nhiều không? Với sự hướng dẫn, tập huấn và giám sát thì các hộ thành viên có thực hiện được không? Có tuân thủ đúng quy trình sản xuất không? + Rủi ro trong áp dụng tiêu chuẩn chứng nhận có lớn không? Những biện pháp áp dụng có giảm thiểu rủi ro một cách hiệu quả không? + Lợi ích của việc áp dụng một tiêu chuẩn chứng nhận có đủ lớn để thuyết phục thành viên HTX áp dụng không? <p>Trên cơ sở tìm hiểu các vấn đề trên, cán bộ HTX sẽ trao đổi lại với thành viên HTX về lợi ích, quy trình thực hành áp dụng, các điều kiện bắt buộc áp dụng để thành viên HTX thảo luận và thống nhất. Nếu thành viên HTX đồng ý chủ trương sản xuất theo một tiêu chuẩn chứng nhận nào đó thì cán bộ HTX cần triển khai thực hiện.</p>
4	<i>Trách nhiệm, ý thức</i>	Thực hiện đúng nội quy thi, giữ an toàn, trật tự trong quá trình thi.

5	<i>Thời gian</i>	- Thời gian chuẩn: 60 phút - Thời gian tối đa: 70 phút
---	------------------	---

III. Phiếu chấm điểm (đính kèm)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM BÀI KIỂM TRA THỰC HÀNH	
Tên nghề	Giám đốc HTX nông nghiệp
Tên mô đun/môn học	Tổng quan về HTX, Luật HTX và các chính sách phát triển HTX ở VN
Trình độ - Bậc kỹ năng nghề	Sơ cấp - Bậc 1
Ngày đánh giá	
Nơi đánh giá	
Họ và tên người đánh giá	
Tổng điểm bài thi/100

TÊN BÀI KIỂM TRA:

Anh/ chị hãy phân tích các tiêu chuẩn chứng nhận để hợp tác xã lựa chọn cho sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận

Thời gian bắt đầu: giờ ... phút

Thời gian kết thúc:giờ... phút

Mục	Nội dung chấm điểm	Số điểm bị trừ		Tổng điểm (100đ)	Điểm trừ
		Ký và nhận đầy đủ	Thiếu 1 yêu cầu		
1	Chuẩn bị			5	
1.1	Nghe và ký nhận phiếu giao đề kiểm tra thực hành và các phụ lục	0	2	2	

1.2	Nhận giấy làm bài kiểm tra thực hành và vị trí kiểm tra	Đầy đủ giấy và đúng vị trí thi	Sai 1 yêu cầu	3	
		0	3		
2	<i>Xây dựng phương án sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo tiêu chuẩn chứng nhận</i>			80	
2.1	Phân tích các trường hợp áp dụng tiêu chuẩn chứng nhận;	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	20	
		0	2		
2.2	- Xem xét các yếu tố ảnh hưởng khi lựa chọn tiêu chuẩn áp dụng;;	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	20	
		0	6		
2.3	- Xác định hiệu quả kinh tế của việc sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận;	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	20	
		0	4		
2.4	- Xem xét lại việc áp dụng và trao đổi với thành viên HTX.	Đúng và đủ	Sai hoặc thiếu 1 nội dung	20	
		0	4		
3	Trách nhiệm, ý thức			5	
	Thực hiện đúng nội quy thi, trật tự trong quá trình thi.	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	5	
		0	5		
4	Thời gian			10	
	Thời gian chuẩn: 60 phút	Đúng thời	Quá 1-5	10	

	Thời gian tối đa: 70 phút	gian	phút		
		0	2		
		Quá 6-10 phút	Quá 10 phút		
		5	10		
	Tổng điểm bị trừ				
	Tổng điểm đạt=100 – Tổng điểm bị trừ				